

Số: 21/2024/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

QUY ĐỊNH

Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 21 /2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

2. Nghị quyết này không điều chỉnh đối với:

a) Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng đã được quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định tại điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây viết tắt là Nghị định số 24/2024/NĐ-CP) và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

d) Ngoài các quy định cụ thể tại Nghị quyết này, đối với các quy định về thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước (sau đây gọi là cơ quan).

b) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là tổ chức).

c) Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị).

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hoá, dịch vụ.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hoá, dịch vụ để phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền, nâng cao tính chủ động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được sử dụng đúng công năng, đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn và định mức, đúng chế độ; được khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định; bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được giám sát, kiểm tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, tài sản công là vật tiêu hao trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư; mua sắm hàng hóa, dịch vụ (*Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) được sửa đổi tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 114/2024/NĐ-CP); điểm c khoản 2 Điều 37a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP*)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Xe ô tô.

c) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà.

d) Hàng hóa, dịch vụ, tài sản công khác là động sản, tài sản công là vật tiêu hao có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, hàng hoá, dịch vụ, gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh (trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này).

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị là đơn vị dự toán cấp 1 quyết định:

a) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công, tài sản công là vật tiêu hao (trừ trường hợp quy định tại khoản 1; điểm b, điểm c khoản 2, khoản 5 Điều này) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ, gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ, gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công, tài sản công là vật tiêu hao (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ, gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) có giá trị dưới 01 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

b) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công, tài sản công là vật tiêu hao (trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, hàng hoá, dịch vụ, gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) của các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý sử dụng kinh phí từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (*bao gồm cả việc mua sắm được sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ dưới 30% trong tổng dự toán mua sắm*).

c) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công, tài sản công là vật tiêu hao (trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) phục vụ hoạt động của đơn vị mình sử dụng kinh phí từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (*bao gồm cả việc mua sắm được sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ dưới 30% trong tổng dự toán mua sắm*).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công, tài sản công là vật tiêu hao (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ, gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này) trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương; trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công khác là động sản, tài sản công là vật tiêu hao có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ, gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

5. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ, tài sản công, tài sản công là vật tiêu hao (trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ, gói thầu mua sắm có nhiều tài sản, hàng hóa, dịch vụ (01 lô tài sản, 01 lô hàng hóa, 01 gói dịch vụ) sử dụng kinh phí từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn vốn huy động hợp pháp khác (bao gồm cả việc mua sắm được sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ dưới 30% trong tổng dự toán mua sắm) phục vụ hoạt động của đơn vị mình.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ trường hợp quy định tại tiết b3 điểm b khoản 4 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công là nhà ở công vụ; tài sản là di tích lịch sử - văn hoá, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp; phòng truyền thống của cơ quan, đơn vị được giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công là nhà ở công vụ; tài sản là di tích lịch sử - văn hoá, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp; phòng truyền thống của cơ quan, đơn vị được giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) quyết định khai thác tài sản công của cơ quan, đơn vị mình được giao quản lý, sử dụng (theo danh mục quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 1 Điều 10b Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP; điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 1 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

- a) Thuê trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.
- b) Thuê các tài sản khác có giá trị một lần thuê từ 300 triệu đồng trở lên đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương quyết định thuê các tài sản khác có giá trị một lần thuê từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng của cơ quan trực thuộc phạm vi quản lý; quyết định thuê các tài sản khác có giá trị một lần thuê dưới 300 triệu đồng của cơ quan mình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

- a) Thuê trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Thuê các tài sản khác có giá trị một lần thuê từ 50 triệu đồng trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Thủ trưởng cơ quan trực thuộc các sở, ban, ngành và tương đương; trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê các tài sản khác có giá trị một lần thuê dưới 50 triệu đồng để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công, bao gồm:

- a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp (là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Xe ô tô.

c) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà.

d) Tài sản công khác là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công (trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công, bao gồm:
 - a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp (là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị).
 - b) Xe ô tô.
 - c) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà.
 - d) Tài sản công khác là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh với cấp huyện hoặc cấp xã; giữa cấp huyện với cấp huyện.
2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh với cấp huyện hoặc cấp xã; giữa cấp huyện với cấp huyện.
3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện với cấp xã; giữa cấp xã với cấp xã (trừ tài sản công quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công, gồm:
 - a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp (là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị).
 - b) Xe ô tô.
 - c) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà.
 - d) Tài sản công khác là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.
2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương quyết định bán tài sản công khác là động sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý; quyết định bán tài sản công khác là động sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công khác là động sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành và tương đương; trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công khác là động sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan mình.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công, bao gồm:

a) Nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thuộc cấp tỉnh quản lý.

b) Xe ô tô.

c) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà (trừ trường hợp tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý, tài sản công là nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất và động sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 02 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thuộc cấp huyện quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Điều 12. Tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định và xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bao gồm:

a) Xe ô tô.

b) Xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với: Tài sản công khác là động sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công khác là động sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

MỤC 2. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 13. Thẩm quyền quyết định việc quản lý, xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án; tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng về tài sản trong dự án sử dụng vốn nhà nước; thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán tài sản là vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án thuộc địa phương quản lý

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án giao, điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động của dự án, tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng về tài sản trong dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Thẩm quyền quyết định việc điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án; tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng về tài sản trong dự án sử dụng vốn nhà nước; thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán tài sản là vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II của Quy định này.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan có trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật và theo Quy định này.

2. Mọi hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.